

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VMC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VMC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109582042

3. Ngày thành lập: 05/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Liên kè U01-63 Khu D, khu đô thị mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0879668886

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Hoạt động cho thuê lại lao động (Điều 5 Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013) - Hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 6 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/05/2014) - Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (Điều 8 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2016/QH11 ngày 29/11/2006)	7830
2.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
3.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Tư vấn du học (Điều 9, Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập)	8560

4.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
6.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
7.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
8.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
9.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
10.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
11.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn thực phẩm chức năng (Khoản 23 điều 2 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010); Bán buôn thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (Khoản 23 điều 2 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010)	4632
12.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Cung cấp dịch vụ khảo sát địa vật lý trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	7110
16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
18.	Điều hành tua du lịch	7912
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
21.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

22.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
23.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
24.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Bốc xếp hàng hóa	5224
29.	Cho thuê xe có động cơ	7710
30.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
31.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
32.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
33.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
34.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
35.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
36.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
37.	Xây dựng nhà để ở	4101
38.	Xây dựng nhà không để ở	4102
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
49.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Loại trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán	7490
50.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 – Luật thương mại số 36/2005/QH11)	8299

52.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Khoản 2, điều 3; điều 62 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Khoản 8, điều 3; điều 74 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014); - Dịch vụ quản lý bất động sản (Khoản 5, điều 3; điều 75 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6820
53.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Loại trừ hoạt động đấu giá - Hoạt động thương mại điện tử (Trừ website đấu giá trực tuyến) (Điều 25 Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013)	4791(Chính)
54.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm	7810
55.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

6. Vốn điều lệ: 250.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN CUNG	HH03A, B1.3, Khu đô thị Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	50.000.000	20,000	040095000179	
2	LÊ ĐÌNH TRỌNG	Thôn Thượng Thanh, Xã Thanh Cao, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	50.000.000	20,000	001069006436	
3	TRẦN VĂN MINH	Tổ 13, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	50.000.000	20,000	017162191	

4	PHÙNG VĂN TRƯỜNG	Thôn Vân Trai, Thị Trần Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	50.000.000	20,000	001092016431	
5	TRẦN THỊ THẢO	Số 654 đường Điện Biên, Phường Lộc Hoà, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	50.000.000	20,000	036163007452	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CUNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/08/1995*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *040095000179*

Ngày cấp: *24/03/2020*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *HH03A, B1.3, Khu đô thị Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 1420 toà HH03A khu đô thị Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*